

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:163/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2020
V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vũ Hoài Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nam;
2. Ông Ngô Minh Ngọc.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo* tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Tuyết Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 626/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2019 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/02/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tuấn C, sinh năm 1986(có mặt).

Địa chỉ: ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Xuân N, sinh năm 1987(vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2019, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Nguyễn Tuấn C trình bày: Anh và chị N sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống vào năm 2003 và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 03/4/2007.

Qua quá trình chung sống, Anh và chị N đã tạo lập được:

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/8/2004 và cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/7/2011;

- Về tài sản chung: Không có;

- Về nợ chung: Không có.

Trong cuộc sống vợ chồng, thời gian đầu sống có hạnh phúc nhưng được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, nảy sinh nhiều tranh cãi, có nhiều quan điểm bất đồng và có mâu thuẫn do kinh tế gia đình. Anh đã cố gắng hòa hợp và tìm mọi cách để hàn gắn gia đình, tiếp tục chung sống với chị N nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm nữa. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng đầu năm 2016 cho đến nay.

Nay Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho Anh được ly hôn với chị N. Khi ly hôn: Về con chung: Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia B và đồng ý giao cháu Thanh T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào cấp dưỡng cho bên nào. Không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung do không có.

* Phần trình bày của bị đơn là chị Nguyễn Xuân N: Tòa án không thu thập được tài liệu, chứng cứ từ phía chị N.

* Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C, giao cháu Gia B cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Thanh T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào cấp dưỡng cho bên nào. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh C có đơn khởi kiện đối với chị N. Chị N có địa chỉ tại địa bàn huyện Chợ Gạo nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh C có đơn xin ly hôn với chị N. Anh C và chị N có tiến hành đăng ký kết hôn nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”.

[3]. Về yêu cầu đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, anh C vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với chị N.

Nguyên nhân anh C xin ly hôn với chị N là do cả hai không phù hợp nhau về tánh tình, không có tiếng nói chung và có mâu thuẫn trầm trọng về kinh tế và Anh đã tìm mọi biện pháp nhưng không hàn gắn gia đình được.

Ngoài ra, chị N cũng không có phương pháp hàn gắn gia đình và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do. Việc vắng mặt của chị N trong suốt quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do nên xem như chị N từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình và đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh C.

Xét yêu cầu ly hôn của anh C, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng của anh C và chị N là có thật, là trầm trọng không thể hàn gắn được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C để tạo điều kiện cho cả hai có cuộc sống mới.

Xét yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Gia B hiện đang sống cùng anh C và có nguyện vọng sống cùng anh C; cháu Thanh T đang sống cùng chị N và có nguyện vọng sống cùng chị N. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Gia B cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Thanh T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu cấp dưỡng, Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án không có đương sự nào yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Đối với chị N, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị N vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N.

[4]. Về án phí: Anh C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Tuấn C. Anh C được ly hôn với chị Nguyễn Xuân N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/7/2011 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/8/2004 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng cho bên nào.

Anh C và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh C phải chịu là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Anh đã nộp theo biên lai thu số 0003192 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, xem như anh C đã thực hiện xong.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh C có quyền kháng cáo, riêng chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS H. Chợ Gạo;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã L;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Vũ Hoài Phương